

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2019

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Tâm

Bà Đào Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về “xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trương Phan Thụy Thủy T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: đường N, khu phố B, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: anh TRAN P., sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Cabramatta R.C. NSW Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Trương Phan Thụy Thủy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tháng 4/2014, chị và anh TRAN P. được người mai mối làm quen với nhau, sau đó tự tìm hiểu được một thời gian và tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/11/2015. Sau khi kết hôn anh TRAN P. về lại Australia sinh sống và làm các thủ tục để bảo lãnh chị qua

Australia đoàn tụ. Ngày 10/01/2017 chị qua Australia đoàn tụ với gia đình, tuy nhiên khi sống chung thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vì thấy cuộc sống hôn nhân với anh TRAN P. quá mệt mỏi, không thể sống chung với nhau nên tháng 8/2017 chị về lại Việt Nam. Từ đó đến nay chị và anh TRAN P. không còn liên lạc gì với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh TRAN P.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh TRAN P. đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp, thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện của Việt Nam và Tòa án theo đúng quy định của pháp luật để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về thời gian mở phiên họp hòa giải và phiên tòa nhưng cho đến nay phía anh TRAN P. không có văn bản phản hồi thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trương Phan Thủy Thủy T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh TRAN P. được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của nước Australia theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về quy trình, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự; tiến hành thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài và Tòa án. Phía anh TRAN P. không có văn bản phản hồi thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, cũng không có mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh TRAN P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh TRAN P. đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/11/2015, do đó hôn nhân của anh chị

là hợp pháp theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo chị T, nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do tìm hiểu nhau được thời gian ngắn, chị qua Australia đoàn tụ với anh TRAN P., khi sống chung thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vì thấy cuộc sống hôn nhân với anh TRAN P. quá mệt mỏi, không thể sống chung với nhau nên tháng 8/2017 chị về lại Việt Nam. Từ đó đến nay chị và anh TRAN P. không còn bất cứ liên lạc gì với nhau nên chị quyết định xin ly hôn với anh TRAN P. để mỗi người có cuộc sống riêng. Còn phía anh TRAN P. không thể hiện ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị T. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh TRAN P. không còn sự gắn kết, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được; hơn nữa hiện nay chị T sống ở Việt Nam, còn anh TRAN P. sống tại Australia, giữa vợ chồng không có bất cứ sự liên lạc nào với nhau nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh TRAN P.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí ủy thác tư pháp:

Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài gồm lệ phí là 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

Chị T phải chịu chi phí thực tế ủy thác tư pháp là 66 đôla Australia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Phan Thụy Thủy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Phan Thụy Thủy T và anh TRAN P.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0001027 ngày 17/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Về chi phí ủy thác tư pháp:

- Chị T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp đã nộp theo lai thu số 0036472 ngày 02/3/2018 (do Nguyễn Quang Thiên A nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Chị T phải chịu chi phí thực tế ủy thác tư pháp là 66 đôla Australia, được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp đã nộp theo lai thu số 07751 ngày 02/3/2018 (do Nguyễn Quang Thiên A nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh TRAN P. có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Nhiên